

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 và ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2021/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 03/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị Kim N, sinh năm 1988; địa chỉ: Số X, tổ Y, khu phố TH, phường AT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương – có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lương Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Đường D, tổ Z, khu phố K, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2021 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim N trình bày:*

1. Về hôn nhân:

Bà N và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 185, ngày 10/12/2020 tại Ủy ban nhân dân phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bà N và ông H chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng đều có con riêng, khi về chung sống với nhau thường hay bất đồng quan điểm từ việc nuôi dạy con cái. Bà N và ông H sống chung với nhau được khoảng 01 tháng thì bà N không chịu đựng được nữa nên về nhà cha mẹ ở thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Hiện tại mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau theo nghĩa vợ chồng. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

2. Về con chung: Bà N khai không có con chung với ông H nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lương Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.*

** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:*

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lương Văn H hiện đang cư trú tại đường D, tổ Z, khu phố K, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn ông Lương Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa

nhưng ông H đều vắng mặt; việc vắng mặt của ông H không vì lý do bất khả kháng. Bà Trịnh Thị Kim N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về hôn nhân:

Bà N và ông H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp.

Thời gian đầu, bà N và ông H chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn và ông bà không sống chung với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay. Theo xác minh tại địa phương, bà N và ông H không có con chung, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc bà N và ông H đều có con riêng nên vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau theo nghĩa vợ chồng. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Khi bà N có đơn yêu cầu ly hôn với ông H, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông H nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng ông H đều vắng mặt. Xét thấy, bà N không còn thiện chí tiếp tục chung sống với ông H nên không cần duy trì cuộc hôn nhân này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[4.2] Về con chung: Bà N khai không có con chung với ông H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có tài sản chung và nợ chung với ông H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản chung và nợ chung bằng vụ án khác.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim N đối với bị đơn ông Lương Văn H: Cho bà Trịnh Thị Kim N và ông Lương Văn H được ly hôn.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054543 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trịnh Thị Kim N, ông Lương Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nga